

Số: 4596/TB-ĐHHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết danh sách sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2023,
2024, 2025 và 2026 dự kiến được nhận miễn, giảm học phí
học kỳ 1 năm học 2026 - 2027**

Căn cứ Thông báo số 3954/TB-ĐHHN ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2023, 2024, 2025 và 2026 học kỳ 1 năm học 2026-2027;

Căn cứ đơn và hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí của sinh viên;

Nhà trường thông báo danh sách sinh viên dự kiến được nhận miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2026-2027 (danh sách sinh viên kèm theo);

Nhà trường đề nghị các đơn vị đào tạo triển khai Thông báo này tới sinh viên để kiểm tra thông tin cá nhân (Họ và tên, Mã số sinh viên, Lớp, ...) trước khi Nhà trường ra quyết định công nhận chính thức;

Mọi thắc mắc của sinh viên được giải quyết trong giờ hành chính từ ngày 16/10 đến hết ngày 21/10/2026 tại phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng 103 - nhà C.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CTSV&QHDN.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CTSV&QHDN**


Đỗ Quốc Đạt

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Thông báo số 4596/TB-ĐHHN, ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
I. Danh sách sinh viên khóa 2023 (Cấp tiếp)										
1	Nông Thị Kim	Thi	2207140102	2T-22C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	1,722,000	-	1,722,000	CẤP TIẾP Đã nhận đủ NSNN
2	Nguyễn Thị	Dân	2307170022	1H-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	12,300,000	9,550,000	2,750,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Thị Tiên	Diễm	2304050018	2M-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	14,850,000	8,950,000	5,900,000	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thị Hiền	Giang	2301060016	1TĐ-23	Con của thương binh	Miễn học phí	21,160,000	9,550,000	11,610,000	CẤP TIẾP
5	Lê Thị	Hương	2307140040	3T-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	14,760,000	9,550,000	5,210,000	CẤP TIẾP
6	Phan Thị Khánh	Linh	2307040079	3T-23	Con của thương binh	Miễn học phí	17,220,000	9,550,000	7,670,000	CẤP TIẾP
7	Trần Diệu	Linh	2307040080	4T-23	Con của bệnh binh	Miễn học phí	13,940,000	9,550,000	4,390,000	CẤP TIẾP
8	Trịnh Ngọc	Mai	2301000040	1TT-23	Con của thương binh	Miễn học phí	11,760,000	9,550,000	2,210,000	CẤP TIẾP
9	Nguyễn Thị Trang	Nhung	2307010200	9A-23	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	15,580,000	9,550,000	6,030,000	CẤP TIẾP
10	Vũ Mỹ	Tâm	2307060150	5NB-23	Con của thương binh	Miễn học phí	4,100,000	4,100,000	-	CẤP TIẾP
11	Chu Anh	Thắng	2307010241	9A-23	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	11,480,000	9,550,000	1,930,000	CẤP TIẾP
12	Nguyễn Đức	Thanh	2307040142	1T-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,040,000	9,550,000	8,490,000	CẤP TIẾP
13	Trần Minh	Thu	2307010245	9A-23	Con của thương binh	Miễn học phí	13,940,000	9,550,000	4,390,000	CẤP TIẾP
14	Vi Minh	Thúy	2307040193	1T-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,300,000	9,550,000	2,750,000	CẤP TIẾP
15	Nguyễn Ngọc	Trâm	2307010267	11A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,480,000	9,550,000	1,930,000	CẤP TIẾP
16	Cao Thị	Trang	2307140090	3T-23C	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	15,580,000	9,550,000	6,030,000	CẤP TIẾP
17	Nguyễn Quang	Trung	2307010306	4A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,480,000	9,550,000	1,930,000	CẤP TIẾP
18	Đào Quốc	Yên	2301040205	2C-23	Con của thương binh	Miễn học phí	14,340,000	10,450,000	3,890,000	CẤP TIẾP
19	Bàn Thị Ngọc	Ánh	2207040017	3T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,855,000	6,685,000	8,170,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
20	Vì Thị	Huyền	2207080044	3TB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP TIẾP
21	Ma Thị	Tới	2207010248	6A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,255,000	6,685,000	3,570,000	CẤP TIẾP
22	Phùng Nguyễn Thảo	Anh	2307010023	1A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,355,000	6,685,000	7,670,000	CẤP TIẾP
23	Nông Thị Kim	Anh	2307060016	4NB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	2,055,000	2,055,000	-	CẤP TIẾP
24	Lý Minh	Điệp	2307140024	4T-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,175,000	6,685,000	8,490,000	CẤP TIẾP
25	Phương Thị Thu	Hường	2307010305	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
26	Bùi Thanh	Huyền	2307040055	5T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,175,000	6,685,000	8,490,000	CẤP TIẾP
27	Trần Hoài Thanh	Huyền	2307040061	5T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,635,000	6,685,000	10,950,000	CẤP TIẾP
28	Đặng Thanh	Huyền	2307070075	1H-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,535,000	6,685,000	6,850,000	CẤP TIẾP
29	Nguyễn Thị Phương	Linh	2307010140	11A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,255,000	6,685,000	3,570,000	CẤP TIẾP
30	Hoàng Ngọc	Luân	2307010300	9A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,535,000	6,685,000	6,850,000	CẤP TIẾP
31	Bùi Khánh	Ly	2307040086	3T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	25,835,000	6,685,000	19,150,000	CẤP TIẾP
32	Bùi Khánh	Ly	2307100050	1B-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP TIẾP
33	Vàng Ka	My	2307010304	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,715,000	6,685,000	6,030,000	CẤP TIẾP
34	Ma Thị Hoàng	Nam	2307010307	2A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,795,000	6,685,000	1,110,000	CẤP TIẾP
35	Hoàng Ngọc	Nương	2307010205	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,715,000	6,685,000	6,030,000	CẤP TIẾP
36	Hoàng Thị Kiều	Oanh	2307010206	5A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,615,000	6,685,000	1,930,000	CẤP TIẾP
37	Nguyễn Hạ	Quyên	2307010222	9A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,355,000	6,685,000	7,670,000	CẤP TIẾP
38	Phan Sỹ	Thành	2306090065	2D-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,295,000	6,685,000	5,610,000	CẤP TIẾP
39	Hoàng Thị Thanh	Thảo	2307170087	3H-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP TIẾP
40	Vũ Mai	Thảo	2307140080	2T-23C	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	19,275,000	6,685,000	12,590,000	CẤP TIẾP
41	Bùi Hồng	Thiệt	2307010302	6A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,255,000	6,685,000	3,570,000	CẤP TIẾP
42	Hà Thanh	Thỏa	2307010242	7A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP TIẾP
43	Ma Thị Anh	Thư	2307010248	3A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
44	Phùng Thị Huyền	Thương	2307080094	3TB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,895,000	6,685,000	5,210,000	CẤP TIẾP
45	Lương Thanh	Trà	2307040195	3T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
46	Đàm Nguyễn Uyển	Trần	2307030120	2P-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
47	Trần Thị Thảo	Vân	2307010281	1A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,535,000	6,685,000	6,850,000	CẤP TIẾP
48	Vương Hiếu	Vy	2307040179	1T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,175,000	6,685,000	8,490,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
49	Lù Hoa	Xuân	2307040206	2T-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	11,075,000	6,685,000	4,390,000	CẤP TIẾP
50	Nguyễn Lan	Chi	2207050014	2Đ-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	18,185,000	4,775,000	13,410,000	CẤP TIẾP
51	Nguyễn Lâm Thùy	Dương	2207040042	6T-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,165,000	4,775,000	4,390,000	CẤP TIẾP
52	Lê Minh	Hiệu	2307010089	2A-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,265,000	4,775,000	8,490,000	CẤP TIẾP
53	Nguyễn Thu	Hương	2307070029	1H-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,065,000	4,775,000	290,000	CẤP TIẾP
54	Bùi Trà	My	2307190040	1I-23C	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,065,000	4,775,000	290,000	CẤP TIẾP
55	Nguyễn Nam	Phương	2301040151	5C-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,325,000	5,225,000	100,000	CẤP TIẾP
56	Lê Thị Thu	Phương	2306080097	4Q-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	5,125,000	4,775,000	350,000	CẤP TIẾP

II. Danh sách sinh viên khóa 2024 (Cấp tiếp)

1	Lê Thị Thảo	Chi	2407050006	2Đ-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	10,660,000	9,550,000	1,110,000	CẤP TIẾP
2	Nguyễn Thị Minh	Được	2407020024	3N-24	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	12,300,000	9,550,000	2,750,000	CẤP TIẾP
3	Phan Thu	Hà	2407080058	1TB-24	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	17,220,000	9,550,000	7,670,000	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thu	Hà	2407070163	2H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	19,680,000	9,550,000	10,130,000	CẤP TIẾP
5	Phạm Thủy	Hiền	2407030059	1P-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	8,200,000	8,200,000	-	CẤP TIẾP
6	Hoàng Thị Thảo	Hiền	2407040170	5T-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	8,200,000	8,200,000	-	CẤP TIẾP
7	Hoàng Diệu	Hoa	2407010063	7A-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,840,000	9,550,000	290,000	CẤP TIẾP
8	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	2407070184	5H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	14,760,000	9,550,000	5,210,000	CẤP TIẾP
9	Ngô Đức	Mạnh	2407070006	6H-24	Con của thương binh	Miễn học phí	14,760,000	9,550,000	5,210,000	CẤP TIẾP
10	Nguyễn Hà	Mi	2407070101	1H-24	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	16,400,000	9,550,000	6,850,000	CẤP TIẾP
11	Đỗ Thùy	Ngân	2407030019	4P-24	Con của bệnh binh	Miễn học phí	19,680,000	9,550,000	10,130,000	CẤP TIẾP
12	Lùng Trọng	Nghĩa	2407240108	3T-24TT	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	15,580,000	9,550,000	6,030,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
13	Hà Như	Ngọc	2407060182	6NB-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	20,500,000	9,550,000	10,950,000	CẤP TIẾP
14	Phạm Yến	Nhi	2407040184	1T-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	22,960,000	9,550,000	13,410,000	CẤP TIẾP
15	Nguyễn Quỳnh	Như	2406080020	1Q-24	Con của thương binh	Miễn học phí	17,480,000	9,550,000	7,930,000	CẤP TIẾP
16	Đỗ Xuân	Phương	2401040109	4C-24	Con của bệnh binh	Miễn học phí	16,490,000	10,450,000	6,040,000	CẤP TIẾP
17	Lò Phà	Siu	2407240101	2T-24TT	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	21,320,000	9,550,000	11,770,000	CẤP TIẾP
18	Lù Thị	Sua	2401040065	2C-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	21,100,000	10,450,000	10,650,000	CẤP TIẾP
19	Hoàng Thị Đan	Thùy	2407040043	5T-24	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	25,420,000	9,550,000	15,870,000	CẤP TIẾP
20	Vũ Bảo	Tiến	2407070178	5H-24	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	17,220,000	9,550,000	7,670,000	CẤP TIẾP
21	Bùi Cẩm	Tú	2407040163	4T-24	Con của thương binh	Miễn học phí	18,860,000	9,550,000	9,310,000	CẤP TIẾP
22	Ngân Hà	Vy	2107070078	2H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,615,000	6,685,000	1,930,000	CẤP TIẾP
23	Lý Y	Mái	2307010298	9A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP TIẾP
24	Nguyễn Mai	Anh	2404050024	1M-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,655,000	6,265,000	5,390,000	CẤP TIẾP
25	Bùi Quang	Anh	2401040118	1C-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,505,000	7,315,000	8,190,000	CẤP TIẾP
26	Nguyễn Hải	Anh	2407060176	6NB-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,615,000	6,685,000	1,930,000	CẤP TIẾP
27	Lương Thanh	Đạt	2407040018	6T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,995,000	6,685,000	9,310,000	CẤP TIẾP
28	Bùi Ngân	Hà	2407010160	2A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
29	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	2407040076	5T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	20,095,000	6,685,000	13,410,000	CẤP TIẾP
30	Bế Diệu	Hoa	2407210012	2A-24TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,715,000	6,685,000	6,030,000	CẤP TIẾP
31	Hoàng Thị Kim	Hồng	2407070050	2H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,715,000	6,685,000	6,030,000	CẤP TIẾP
32	Hoàng Khánh	Huyền	2407010088	6A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,895,000	6,685,000	5,210,000	CẤP TIẾP
33	Hoàng Thị Thu	Huyền	2407040013	1T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,175,000	6,685,000	8,490,000	CẤP TIẾP
34	Đặng Hoàng	Lan	2407060082	3NB-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,635,000	6,685,000	10,950,000	CẤP TIẾP
35	Nông Thị Ngọc	Linh	2407010174	6A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,535,000	6,685,000	6,850,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
36	Lưu Thị Nhật	Linh	2407210063	1A-24TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP TIẾP
37	Bùi Phương	Linh	2407040204	1T-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	20,915,000	6,685,000	14,230,000	CẤP TIẾP
38	Lô Thị Kim	Ngân	2407010204	8A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,075,000	6,685,000	4,390,000	CẤP TIẾP
39	Hà Đăng Duy	Phú	2407010244	5A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,615,000	6,685,000	1,930,000	CẤP TIẾP
40	Trần Diễm	Quỳnh	2407080071	3TB-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,715,000	6,685,000	6,030,000	CẤP TIẾP
41	Hoàng Thị	Tâm	2407070115	3H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,895,000	6,685,000	5,210,000	CẤP TIẾP
42	Nguyễn Phương	Anh	2404050014	1M-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,045,000	4,475,000	4,570,000	CẤP TIẾP
43	Hoàng Thành	Công	2401040045	2C-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,085,000	5,225,000	6,860,000	CẤP TIẾP
44	Vương Đức	Dũng	2404060026	1CT-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	7,335,000	4,475,000	2,860,000	CẤP TIẾP
45	Lê Thị Hải	Hà	2407040027	3T-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	17,365,000	4,775,000	12,590,000	CẤP TIẾP
46	Cao Thu	Hải	2407210045	1A-24TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,085,000	4,775,000	9,310,000	CẤP TIẾP
47	Trần Thanh	Huyền	2407210006	1A-24TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,905,000	4,775,000	10,130,000	CẤP TIẾP
48	Đào Diệu	Xuân	2407010298	3A-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,165,000	4,775,000	4,390,000	CẤP TIẾP
49	Lê Hải	Yến	2404040083	3TC-24	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	10,375,000	4,475,000	5,900,000	CẤP TIẾP

III. Danh sách sinh viên khóa 2025 (Cấp tiếp)

1	Hoàng Nguyệt	Ánh	2507080020	3TB-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,700,000	9,550,000	9,150,000	CẤP TIẾP
2	Khuất Văn	Bằng	2504040016	1TC-25	Con của bệnh binh	Miễn học phí	19,040,000	8,950,000	10,090,000	CẤP TIẾP
3	Nông Trường	Giang	2507010082	1A-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,900,000	9,550,000	2,350,000	CẤP TIẾP
4	Phạm Thị Hương	Giang	2507020040	1N-25	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	18,700,000	9,550,000	9,150,000	CẤP TIẾP
5	Phạm Khánh	Linh	2507030068	4P-25	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	14,450,000	9,550,000	4,900,000	CẤP TIẾP
6	Nguyễn Ngọc	Linh	2507010146	4A-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	15,300,000	9,550,000	5,750,000	CẤP TIẾP
7	Đỗ Thị Khánh	Ly	2506080080	4Q-25	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	20,400,000	9,550,000	10,850,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
8	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	2507010212	2A-25	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	15,300,000	9,550,000	5,750,000	CẤP TIẾP
9	Nguyễn Yến	Nhi	2507100047	2B-25	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	17,850,000	9,550,000	8,300,000	CẤP TIẾP
10	Lô Sinh	Sin	2507040182	5T-25	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	10,200,000	9,550,000	650,000	CẤP TIẾP
11	Phan Nguyễn Anh	Thư	2507270084	1H-25TT	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	21,250,000	9,550,000	11,700,000	CẤP TIẾP
12	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	2507290038	1I-25TT	Con của bệnh binh	Miễn học phí	14,450,000	9,550,000	4,900,000	CẤP TIẾP
13	Đỗ Phương	Anh	2506060004	2NC-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,625,000	6,685,000	6,940,000	CẤP TIẾP
14	Vũ Mai	Anh	2507030016	2P-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,735,000	6,685,000	4,050,000	CẤP TIẾP
15	Đỗ Mai Quỳnh	Anh	2506080006	3Q-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,135,000	6,685,000	7,450,000	CẤP TIẾP
16	Nguyễn Ngọc	Ánh	2507240016	2T-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,885,000	6,685,000	3,200,000	CẤP TIẾP
17	Lành Thùy	Chi	2507040030	6T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,035,000	6,685,000	2,350,000	CẤP TIẾP
18	Chu Hà Khánh	Chi	2507240018	1T-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,185,000	6,685,000	1,500,000	CẤP TIẾP
19	Bùi Thị	Đan	2507100016	2B-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,985,000	6,685,000	8,300,000	CẤP TIẾP
20	Hà Linh	Đan	2507030030	4P-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,435,000	6,685,000	5,750,000	CẤP TIẾP
21	Lê Hải	Hà	2507210026	1A-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,285,000	6,685,000	6,600,000	CẤP TIẾP
22	Đinh Thị Ngọc	Hà	2507040054	1T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,885,000	6,685,000	3,200,000	CẤP TIẾP
23	Triệu Hải	Huệ	2506080047	2Q-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,775,000	6,685,000	6,090,000	CẤP TIẾP
24	Hà Bảo	Khanh	2506060025	1NC-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,625,000	6,685,000	6,940,000	CẤP TIẾP
25	Phan Trần Trung	Kiên	2501040096	1C-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,655,000	7,315,000	4,340,000	CẤP TIẾP
26	Bùi Đặng Diệu	Linh	2507270043	3H-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,435,000	6,685,000	5,750,000	CẤP TIẾP
27	Nguyễn Thị	Loan	2507070060	3H-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,135,000	6,685,000	7,450,000	CẤP TIẾP
28	Lâm Hiếu	Lợi	2507070061	1H-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,985,000	6,685,000	8,300,000	CẤP TIẾP
29	Cao Trương Bảo	Ngọc	2507100046	1B-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,835,000	6,685,000	9,150,000	CẤP TIẾP
30	Phùng Như	Ngọc	2501240080	3C-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,055,000	7,315,000	7,740,000	CẤP TIẾP
31	Lâm Bảo	Phúc	2507010227	7A-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,435,000	6,685,000	5,750,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
32	Khuất Hồng	Thắm	2507040193	7T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	11,585,000	6,685,000	4,900,000	CẤP TIẾP
33	Đỗ Tiến	Thịnh	2507290037	2I-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	5,635,000	5,635,000	-	CẤP TIẾP
34	Nguyễn Hoàng	Thu	2507060165	4NB-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,435,000	6,685,000	5,750,000	CẤP TIẾP
35	Hoàng Văn	Thuận	2507040199	6T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	9,885,000	6,685,000	3,200,000	CẤP TIẾP
36	Cao Nguyệt	Thương	2507040208	4T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	7,335,000	6,685,000	650,000	CẤP TIẾP
37	Hoàng Hà	Trang	2507290041	1I-25TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	9,035,000	6,685,000	2,350,000	CẤP TIẾP
38	Lã Ngọc Thúy	An	2507040002	2T-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	7,975,000	4,775,000	3,200,000	CẤP TIẾP
39	Nguyễn Phương	Anh	2506080014	3Q-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	16,475,000	4,775,000	11,700,000	CẤP TIẾP
40	Tổng Khánh	Dũng	2506060013	2NC-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,565,000	4,775,000	7,790,000	CẤP TIẾP
41	Nguyễn Ngọc	Hân	2504010024	2KT-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,015,000	4,475,000	7,540,000	CẤP TIẾP
42	Nguyễn Huy	Hoàng	2501040070	4C-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,905,000	5,225,000	4,680,000	CẤP TIẾP
43	Chu Ngọc	Mai	2504040054	3TC-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,565,000	4,475,000	10,090,000	CẤP TIẾP
44	Lê Hương	Mai	2504010051	1KT-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	11,165,000	4,475,000	6,690,000	CẤP TIẾP
45	Nguyễn Xuân	Nga	2507010191	1A-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,225,000	4,775,000	7,450,000	CẤP TIẾP
46	Vũ Thị Bảo	Ngọc	2506080094	3Q-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,075,000	4,775,000	8,300,000	CẤP TIẾP
47	Trần Thiện	Nhân	2501240083	1C-25TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	14,665,000	5,225,000	9,440,000	CẤP TIẾP
48	Vũ Minh	Tri	2507240099	2T-25TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,075,000	4,775,000	8,300,000	CẤP TIẾP
49	Bùi Phương	Tuệ	2507040226	4T-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	7,975,000	4,775,000	3,200,000	CẤP TIẾP

IV. Danh sách sinh viên khóa 2022, 2023, 2024, 2025, 2026 (Cấp mới)

1	Lê Minh	Hương	2204040047	2TC-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	2,970,000	2,970,000	-	CẤP MỚI
2	Hà Ngọc	Mai	2307040091	2T-23	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	19,680,000	9,550,000	10,130,000	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
3	Đặng Thị	An	2607050001	1Đ-26	Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,900,000	9,550,000	3,350,000	CẤP MỚI
4	Nguyễn Duy	Anh	2607040027	1T-26	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,180,000	9,550,000	1,630,000	CẤP MỚI
5	Lương Hồng	Ánh	2604040010	3TC-26ACN	Con của thương binh	Miễn học phí	17,200,000	8,950,000	8,250,000	CẤP MỚI
6	Nguyễn Bá	Đạt	2601040026	1C-26ACN	Con của thương binh	Miễn học phí	17,200,000	10,450,000	6,750,000	CẤP MỚI
7	Phạm Ngọc	Diệp	2607270024	3H-26TT	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	17,200,000	9,550,000	7,650,000	CẤP MỚI
8	Phạm Linh	Linh	2606060030	2NC-26ACN	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	15,480,000	9,550,000	5,930,000	CẤP MỚI
9	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	2607240087	4T-26TT	Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ	Miễn học phí	12,900,000	9,550,000	3,350,000	CẤP MỚI
10	Phùng Minh	Nguyễn	2604040069	1TC-26ACN	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	15,480,000	8,950,000	6,530,000	CẤP MỚI
11	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi	2601060074	3TD-26ACN	Con của thương binh	Miễn học phí	15,480,000	9,550,000	5,930,000	CẤP MỚI
12	Lê Hoàng Phúc Lộc	Tuệ	2607010299	1A-26	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,180,000	9,550,000	1,630,000	CẤP MỚI
13	Đào Thị Yến	Nhi	2307060125	4NB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	14,355,000	6,685,000	7,670,000	CẤP MỚI
14	Lâm Tâm	Như	2307080076	3TB-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	10,255,000	6,685,000	3,570,000	CẤP MỚI
15	Quang Thị Hương	Trà	2307010254	7A-23	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	9,435,000	6,685,000	2,750,000	CẤP MỚI
16	Vi Thị Kiều	Châm	2407070159	6H-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	13,535,000	6,685,000	6,850,000	CẤP MỚI
17	Lê Nhân	Hoàng	2407010128	2A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	17,635,000	6,685,000	10,950,000	CẤP MỚI
18	Trần Phương	Linh	2407010193	10A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	16,815,000	6,685,000	10,130,000	CẤP MỚI
19	Hoàng Linh	Phi	2407010074	3A-24	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	15,995,000	6,685,000	9,310,000	CẤP MỚI
20	Ma Thanh	Hải	2407040215	6T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	1,385,000	1,385,000	-	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
21	Trần Phương	Linh	2504050033	2M-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,015,000	6,265,000	9,750,000	CẤP MỚI
22	Bùi Thị Thu	Nguyệt	2507040151	1T-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,035,000	6,685,000	2,350,000	CẤP MỚI
23	Trương Hà Khánh	Nhung	2507080080	3TB-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,585,000	6,685,000	4,900,000	CẤP MỚI
24	Nguyễn Thị Phương	Thảo	2506080108	3Q-25	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,195,000	6,685,000	10,510,000	CẤP MỚI
25	Bùi Thành	An	2606080001	1Q-26ACN	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,615,000	6,685,000	5,930,000	CẤP MỚI
26	Hà Ngọc	Anh	2607050008	1Đ-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,755,000	6,685,000	5,070,000	CẤP MỚI
27	Nguyễn Minh	Đức	2607040076	4T-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,895,000	6,685,000	4,210,000	CẤP MỚI
28	Lưu Thị Thùy	Dương	2601040022	4C-26ACN	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,345,000	7,315,000	5,030,000	CẤP MỚI
29	Lê Phương	Hà	2607060057	4NB-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,475,000	6,685,000	6,790,000	CẤP MỚI
30	Bùi Thu	Hằng	2607240039	3T-26TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,615,000	6,685,000	5,930,000	CẤP MỚI
31	Hoàng Thị Thanh	Hoài	2607240043	3T-26TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,475,000	6,685,000	6,790,000	CẤP MỚI
32	Hứa Thị Phương	Lan	2607070048	1H-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,615,000	6,685,000	5,930,000	CẤP MỚI
33	Dương Gia	Linh	2607210049	1A-26TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,175,000	6,685,000	2,490,000	CẤP MỚI
34	Hoàng Lê Khánh	Linh	2607290025	2I-26TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,035,000	6,685,000	3,350,000	CẤP MỚI
35	Nguyễn Ngọc	Mai	2607090044	1I-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,895,000	6,685,000	4,210,000	CẤP MỚI
36	Chèo Thị Minh	Nguyệt	2607270077	3H-26TT	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,615,000	6,685,000	5,930,000	CẤP MỚI
37	Đinh Tuệ	Nhi	2604050061	1M-26ACN	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,795,000	6,265,000	6,530,000	CẤP MỚI
38	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	2607040214	5T-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,315,000	6,685,000	1,630,000	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
39	Mùi Như	Quỳnh	2601040089	2C-26ACN	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	14,065,000	7,315,000	6,750,000	CẤP MỚI
40	Vũ Hoàng	San	2604060067	2CT-26ACN	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,795,000	6,265,000	6,530,000	CẤP MỚI
41	Nông Thị Hoài	Thu	2607070101	1H-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	14,335,000	6,685,000	7,650,000	CẤP MỚI
42	Vũ Minh	Thư	2607040261	1T-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	8,315,000	6,685,000	1,630,000	CẤP MỚI
43	Trần Thanh	Trang	2607070111	1H-26	Sinh viên DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	14,335,000	6,685,000	7,650,000	CẤP MỚI
44	Vũ Hạnh	Nhi	2307020131	1N-23	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	9,985,000	4,775,000	5,210,000	CẤP MỚI
45	Nguyễn Dương Bảo	Châu	2501060016	1TĐ-25	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,055,000	4,775,000	7,280,000	CẤP MỚI
46	Nguyễn Thị Thu	Hằng	2607240040	4T-26TT	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	11,565,000	4,775,000	6,790,000	CẤP MỚI
47	Trần Gia	Hung	2601040053	3C-26ACN	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	11,975,000	5,225,000	6,750,000	CẤP MỚI
48	Nguyễn Hà	Phương	2604010077	1KT-26ACN	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	12,725,000	4,475,000	8,250,000	CẤP MỚI
49	Nguyễn Trần Phương	Thảo	2607030114	1P-26	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	7,265,000	4,775,000	2,490,000	CẤP MỚI
50	Đỗ Thị Huyền	Thương	2607010277	3A-26	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	8,125,000	4,775,000	3,350,000	CẤP MỚI
51	Hoàng Thị Tuyết	Vân	2607060204	5NB-26	Sinh viên có cha hoặc mẹ bị TNLĐ hoặc BNN	Giảm 50% học phí	13,285,000	4,775,000	8,510,000	CẤP MỚI
TỔNG:							2,694,802,000	1,451,630,000	1,243,172,000	